CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP DIC - Đồng Tiến

Ngày 30/09/2025	4,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.4%	**2.4%**	**-4.4%**

DT thuần
Q3/25
108
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0| -13.4%
YoY: ▲ 48.4| 81.7%

LN thuần
Q3/25
0.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.56| 202%
YoY: ▼0.32| -29.0%

LN sau thuế
Q3/25
0.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.04| 546%
YoY: ▲ 0.24| 39.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.7%
YoY: +/-▲ 1.0%

ROE (TTM)
Q3/25
0.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

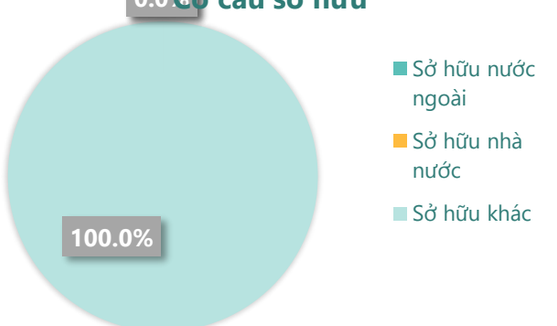
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,700 - 4,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	67
Số lượng CPLH (CP)	15,622,552
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,030
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.88
EPS	81
P/E	52.8

DT thuần
9T 2025
340
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 191| 128%

LN thuần
9T 2025
0.42
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.25| -74.9%

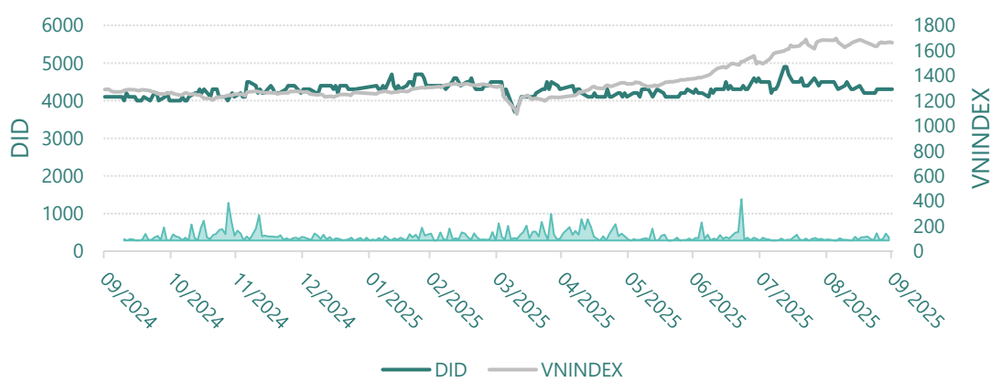
LN sau thuế
9T 2025
1.07
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10| -8.5%

Cơ cấu sở hữu

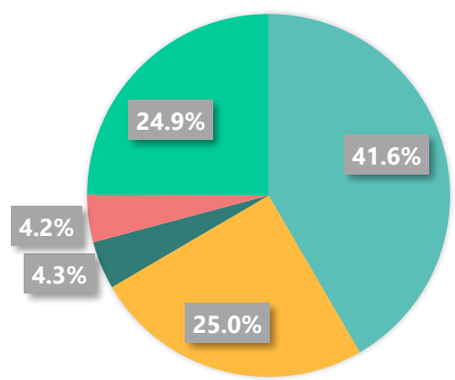


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

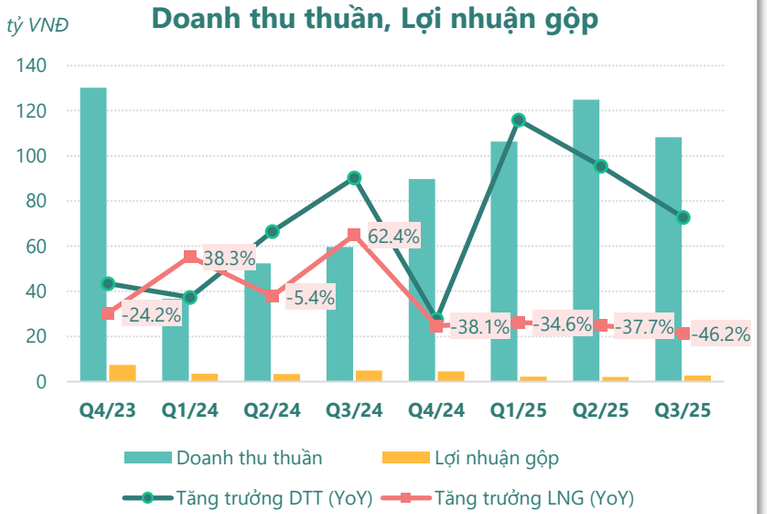


- CTCP Cấu kiện bê tông Nhơn Trạch 2
- CTCP Siêu Thị Vật liệu Xây Dựng Thế Giới Nhà
- Trần Hoàng Tuấn
- Trần Thị Mỹ Dung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

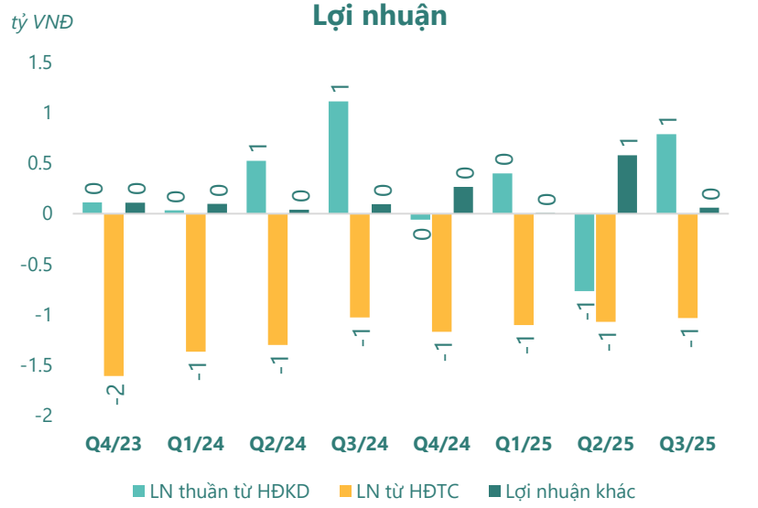
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



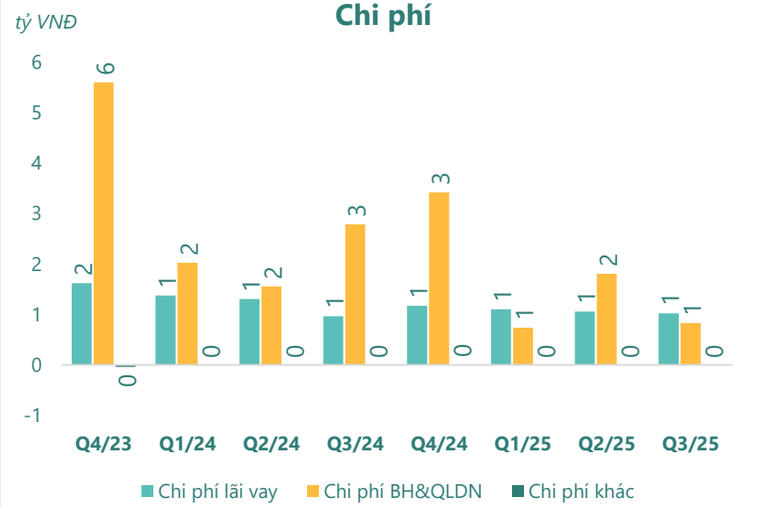
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



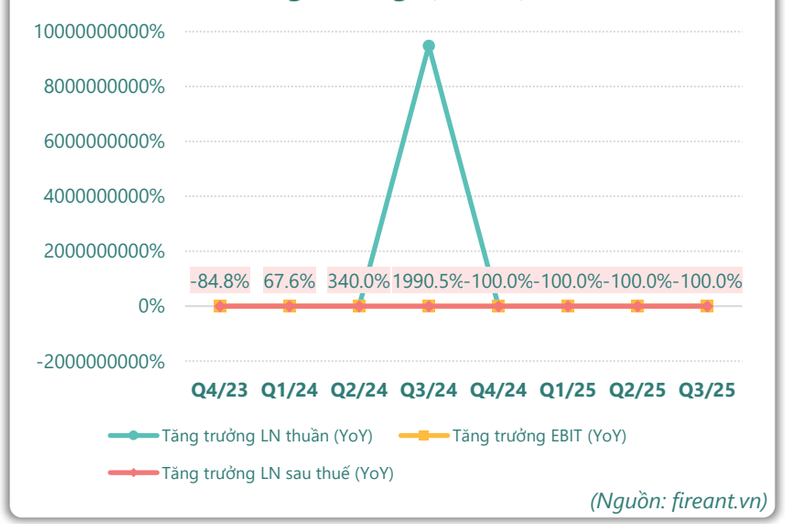
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



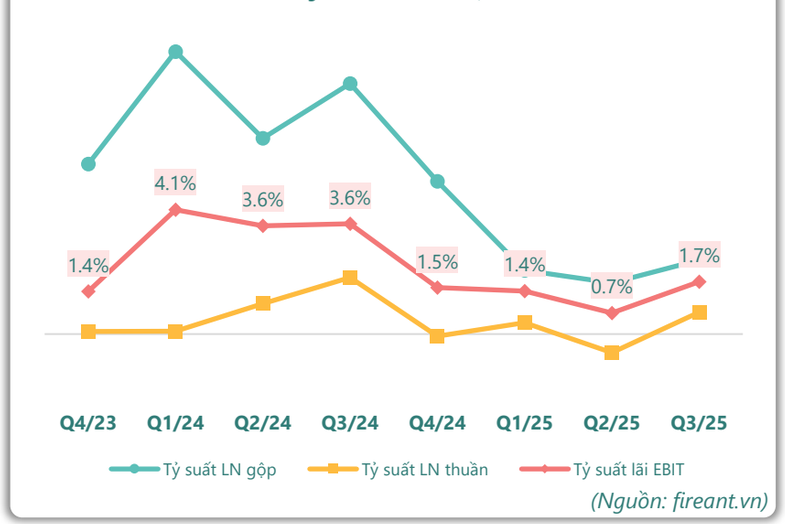
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



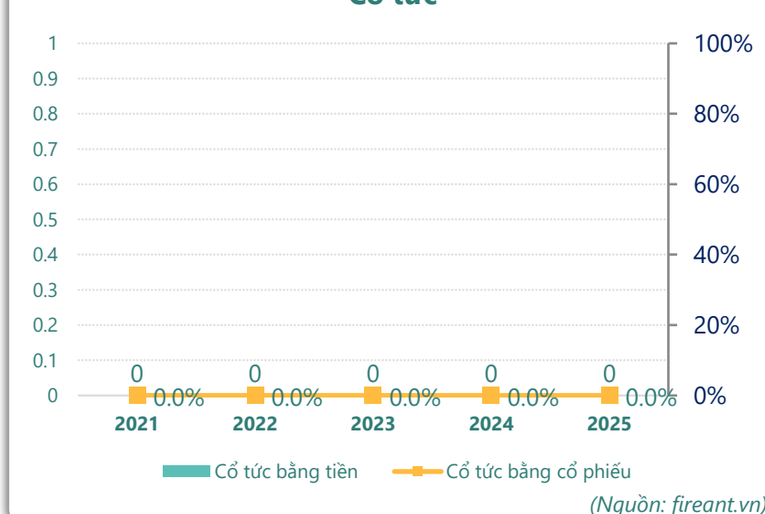
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

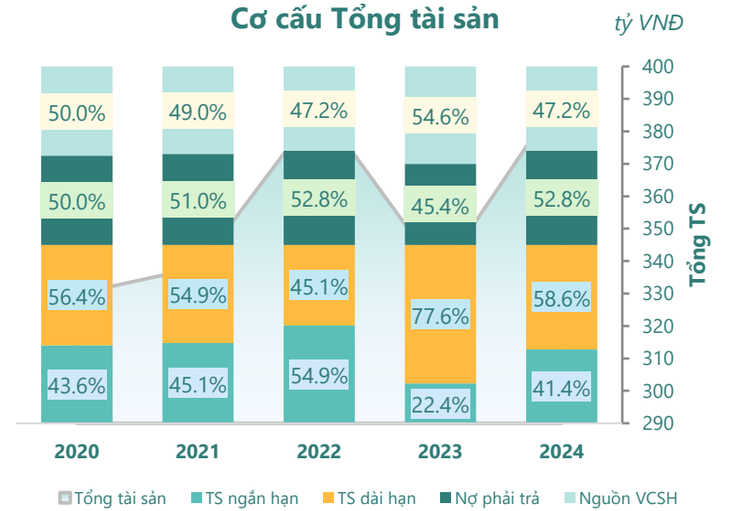
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

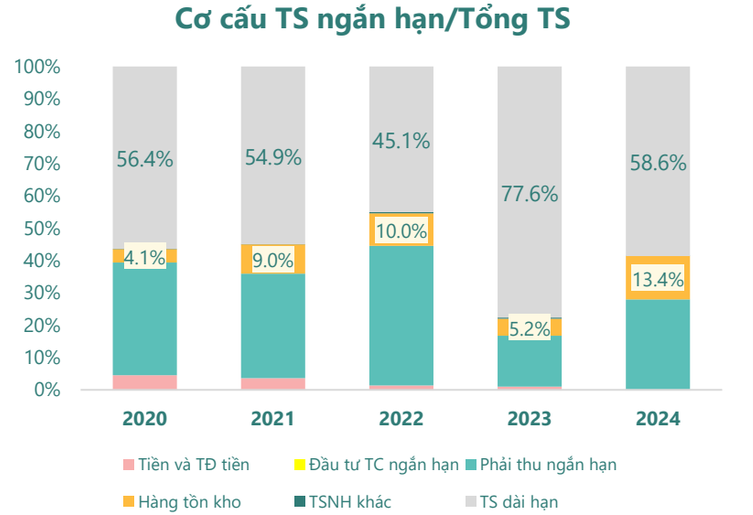
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



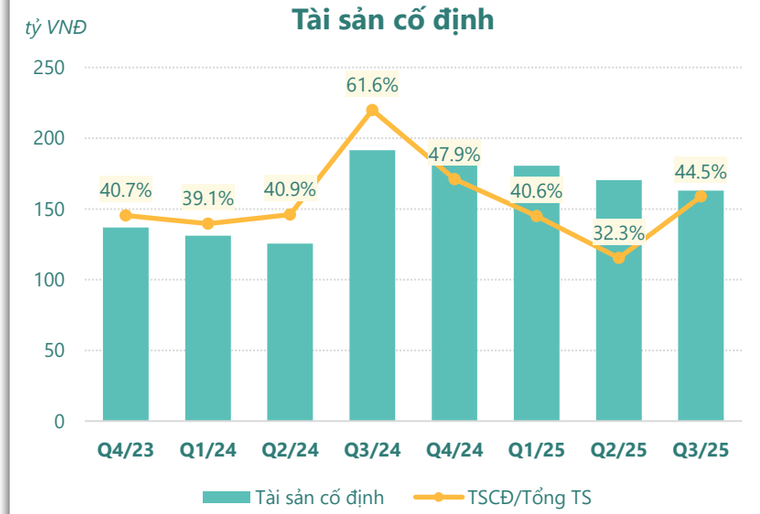
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



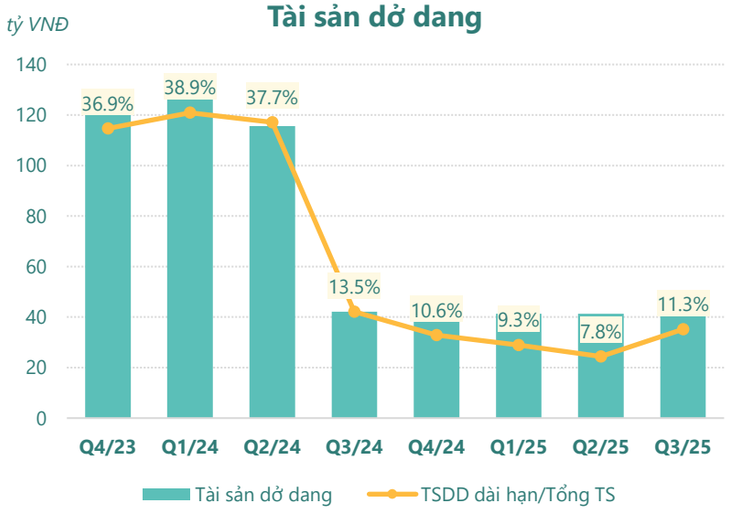
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



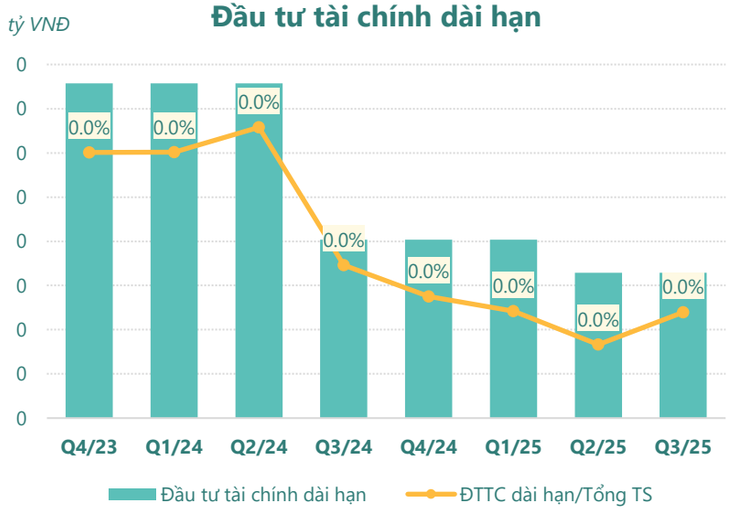
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



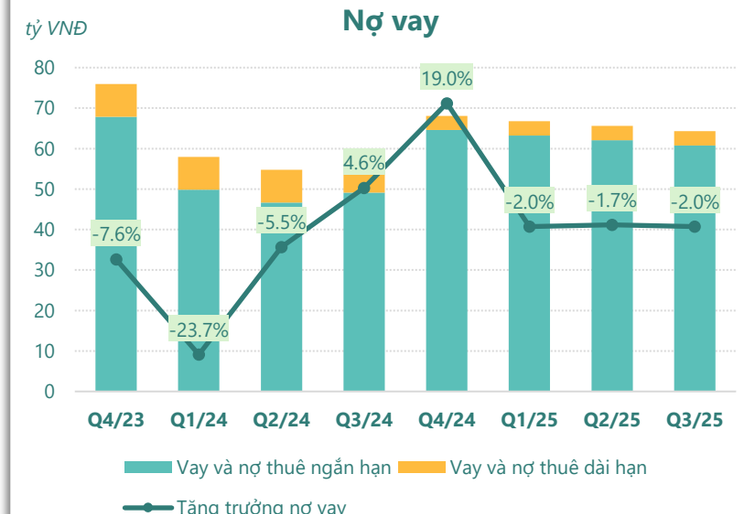
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

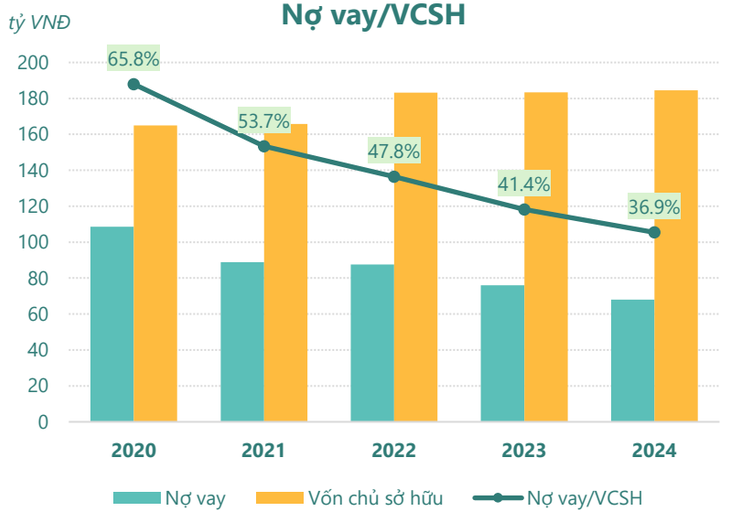
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

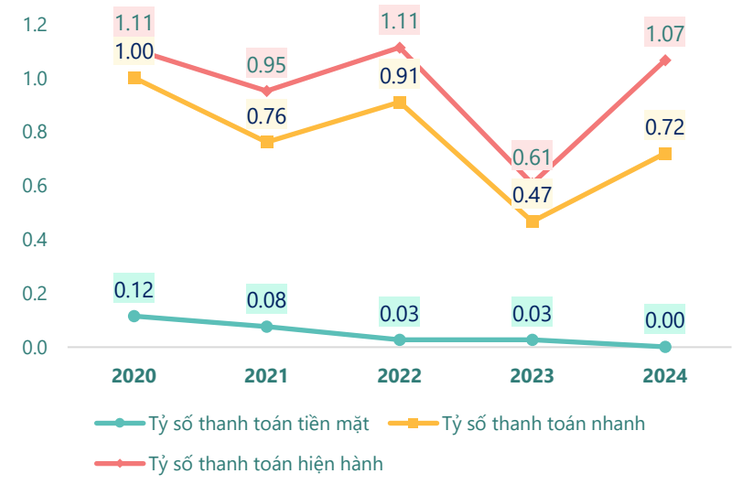
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



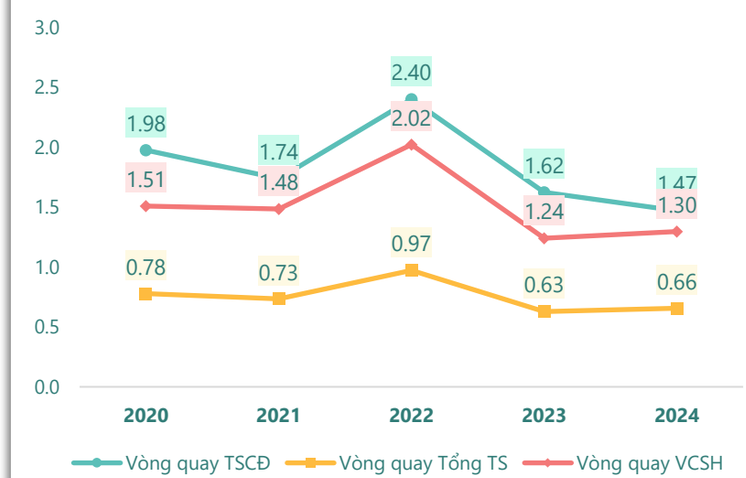
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



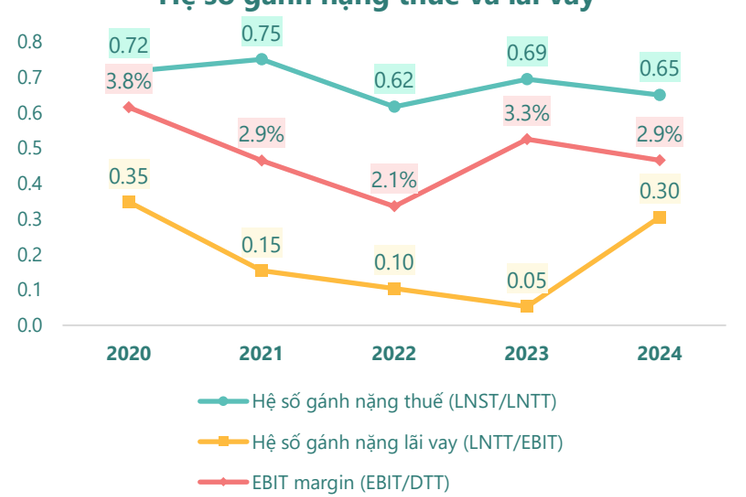
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



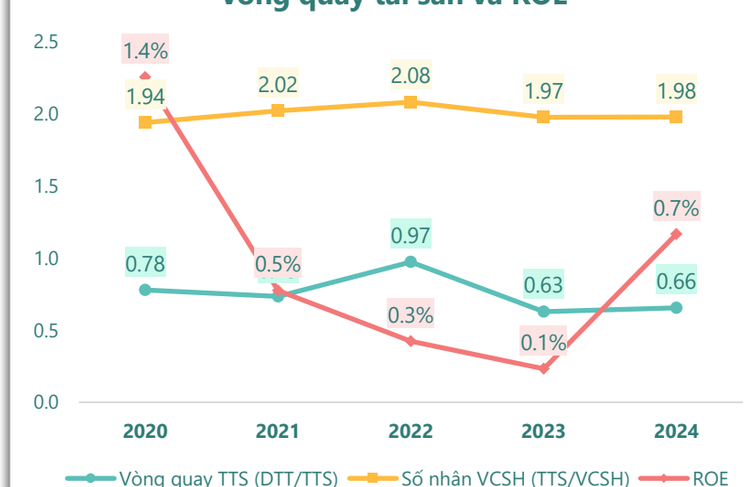
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



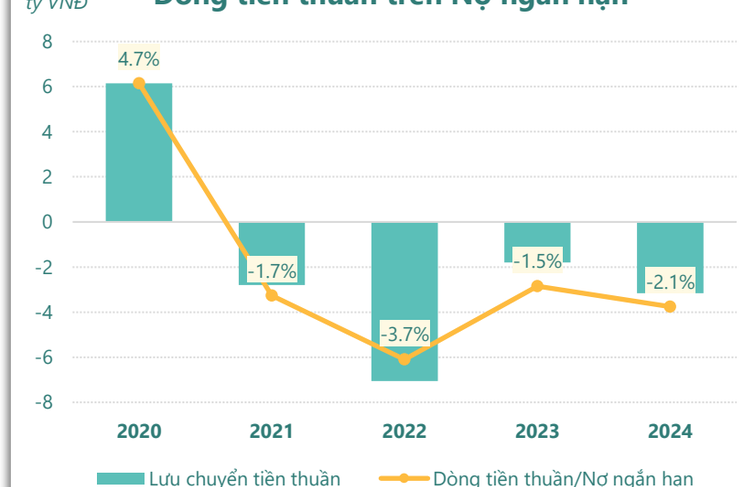
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**108**	**59.6**	**81.7%**	**340**	**149**	**128%**
Giá vốn hàng bán	106	54.6	93.5%	333	137	143%
Lợi nhuận gộp	2.65	4.93	-46.2%	7.01	11.8	-40.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-96.0%	0.00	0.02	-93.9%
Chi phí TC	1.04	1.04	-0.3%	3.21	3.72	-13.6%
Chi phí lãi vay	1.02	0.96	6.4%	3.18	3.65	-12.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.32	-100%	0.56	0.73	-22.4%
Chi phí QLDN	**0.83**	**2.47**	**-66.4%**	**2.81**	**5.65**	**-50.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.79	1.11	-29.0%	0.42	1.67	-74.9%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**0.09**	**-32.8%**	**0.65**	**0.23**	**178%**
LN trước thuế	0.85	1.21	-29.9%	1.07	1.91	-44.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.85**	**0.61**	**39.0%**	**1.07**	**1.17**	**-8.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.85**	**0.61**	**39.0%**	**1.07**	**1.17**	**-8.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.06	4.46	-12.3	1.70	-2.33	4.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	-7.35	-0.78	-0.05	4.07	-4.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.17	2.50	10.9	-1.36	-1.15	-1.30
Tiền đầu kỳ	1.91	2.81	2.42	0.18	0.47	1.06
Lưu chuyển tiền thuần	**0.90**	**-0.39**	**-2.24**	**0.29**	**0.59**	**-0.80**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.81	2.42	0.18	0.47	1.06	0.26

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**366**	**391**	**-6.4%**
Tài sản ngắn hạn	161	162	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	0.26	0.18	42.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	84.1	109	-23.0%
Hàng tồn kho	76.5	52.6	45.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.67	0.04	1826%
Tài sản dài hạn	**205**	**229**	**-10.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	163	187	-13.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.4	41.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.07	0.08	-18.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.47**	**0.63**	**-25.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	181	207	-12.7%
Nợ ngắn hạn	**126**	**152**	**-17.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.8	64.6	-5.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	61.6	83.5	-26.3%
Nợ dài hạn	55.1	55.1	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.50	3.50	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**186**	**185**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**186**	**185**	**0.6%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)